

**CÔNG TY TNHH LA VIE**

Số: *292* /La Vie

V/v thông báo thay đổi hạn sử dụng  
trên sản phẩm chai thủy tinh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Long An, ngày 11 tháng 9 năm 2020

**Kính gửi:** Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Long An

Công ty TNHH La Vie xin gửi tới Quý Cơ quan lời chào trân trọng và xin thông báo nội dung như sau:

Công ty TNHH La Vie đã thực hiện tự công bố sản phẩm chai số 02LA/La Vie/2020 và 03LA/La Vie/2020 ngày 14/2/2020 tại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Long An đối với các sản phẩm chai thủy tinh có bổ sung ga và nước khoáng thiên nhiên dung tích 450ml và 750ml.

Nay Công ty chúng tôi thực hiện thay đổi một nội dung trong 02 bản tự công bố như sau:

Nội dung cũ: “4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: ngày đầu tiên của tháng thứ 12 tính từ ngày sản xuất.”

Thay đổi thành: “4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Xin thông báo đến Quý cơ quan.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Đỗ Hữu Hào*  
**Đỗ Hữu Hào**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 03/LA/La Vie/2020

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH La Vie

Địa chỉ: Quốc lộ 1, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

Điện thoại: 0272 3511 801

Fax: 0272 3511 740

E-mail: hoang.nguyen@laviewater.com

Mã số doanh nghiệp: 1100101187

Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000): Số chứng nhận VN19/00221

Hiệu lực từ ngày 01/10/2019 đến ngày 04/09/2020.

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: Nước khoáng thiên nhiên bổ sung ga.

2. Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên, CO<sub>2</sub> thực phẩm.

<b>HÀM LƯỢNG KHOÁNG TRONG NƯỚC</b>			
STT	Mục	Đơn vị tính	Hàm lượng
1	TDS	mg/l	310 – 390
2	Bicarbonate (HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	280 – 330
3	Sodium (Na <sup>+</sup> )	mg/l	95 – 130
4	Calcium (Ca <sup>2+</sup> )	mg/l	11 – 17
5	Magnesium (Mg <sup>2+</sup> )	mg/l	3 – 6
6	Potassium (K <sup>+</sup> )	mg/l	2 – 3
7	Flouride (F <sup>-</sup> )	mg/l	< 0.5
8	Iodine (I <sup>-</sup> )	mg/l	< 0.01

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai với các thể tích thực 450ml và 750ml.

- Chất liệu bao bì: Chai thủy tinh, nắp nhôm phù hợp với QCVN về bao bì thực phẩm.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Ngày đầu tiên của tháng thứ 12 tính từ tháng sản xuất.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):.....

### III. Mẫu nhãn sản phẩm

*Đính kèm là mẫu nhãn sản phẩm dự kiến.*

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

#### 1. Các chỉ tiêu vi sinh vật

Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 6-1:2010/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/250ml	<1
2	Coliform tổng số	CFU/250ml	<1
3	Streptococci feacal	CFU/250ml	<1
4	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250ml	<1
5	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	CFU/50ml	<1

#### 2. Hàm lượng kim loại nặng

Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 6-1:2010/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Stibi (Antimon)	mg/l	$\leq 0.005$
2	Arsen, tính theo Arsen tổng số	mg/l	$\leq 0.01$
3	Bari	mg/l	$\leq 0.7$
4	Borat, tính theo Bor	mg/l	$\leq 5$
5	Cadmi	mg/l	$\leq 0.003$
6	Crom, tính theo Crom tổng số	mg/l	$\leq 0.05$
7	Đồng	mg/l	$\leq 1$
8	Chì	mg/l	$\leq 0.01$
9	Mangan	mg/l	$\leq 0.4$
10	Thủy ngân	mg/l	$\leq 0.001$
11	Nickel	mg/l	$\leq 0.02$

#### 3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn

Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 6-1:2010/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Cyanid	mg/l	≤0.07
2	Selen	mg/l	≤0.01
3	Fluorid	mg/l	<0.5
4	Nitrat, tính theo ion nitrat	mg/l	≤50
5	Nitrit, tính theo ion nitrit	mg/l	≤0.1
6	Các chất hoạt động bề mặt (*)	mg/l	<0.1
7	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và PCB (polyclobiphenyl)	µg/l	<1.0
8	Dầu khoáng (*)	mg/l	<1.4
9	Các hydrocarbon thơm đa vòng (*)	µg/l	<0.5

(\*) Phải nhỏ hơn giới hạn định lượng quy định trong các phương pháp thử tương ứng.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

#### 1. Thử vật liệu

Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 12-1:2011/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Chì	µg/g	≤100
2	Cadmi	µg/g	≤100

#### 2. Thử thôi nhiễm

Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 12-1:2011/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Kim loại nặng	µg/ml	≤1
2	Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng	µg/ml	≤10
3	Cặn khô	µg/ml	≤30

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-3:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 12-3:2011/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Arsen	µg/ml	≤0.2
2	Cadmi	µg/ml	≤0.1
3	Chì	µg/ml	≤0.4
4	Phenol	µg/ml	≤5

5	Formaldehyd	-	Âm tính
6	Cặn khô	µg/ml	≤30
7	Epichlorohydrin	µg/ml	≤0.5
8	Vinylchlorid	µg/ml	≤0.05

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-4:2015/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

1. Đối với chai thủy tinh có dung tích nhỏ hơn 600ml

Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 12-4:2015/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Cadmi	mg/l	≤0.5
2	Chì	mg/l	≤1.5

2. Đối với chai thủy tinh có dung tích trong khoảng từ 600ml đến dưới 3,000ml

Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 12-4:2015/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Cadmi	mg/l	≤0.25
2	Chì	mg/l	≤0.75

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Long An, ngày 14 tháng 02 năm 2020

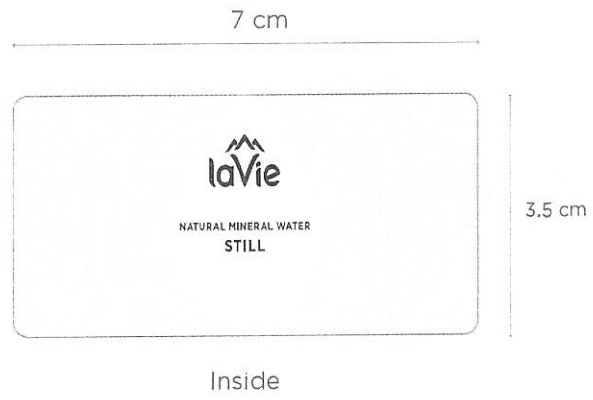
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



**CHỖ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Hữu Hào**

S.G.C.N



*frat*  
 Vũ Hoàng Thảo  
 10/02/2020

*Mud*  
 Hoàng Lê Chí Thành  
 11/02/2020

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

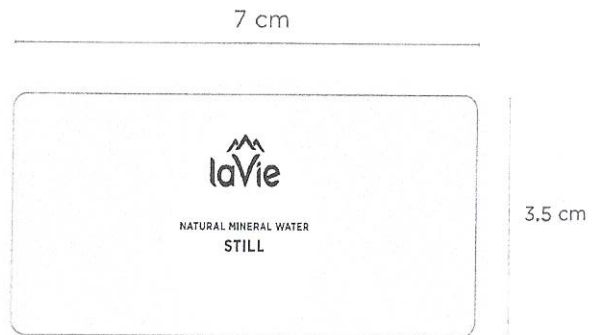
**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE**

**Đỗ Hữu Hào**

S.G.C.N: 501022000040 - L.D.N.40  
 TP. TÂN AN - T. LONG AN

450ml

WHITE      TRANSPARENT      P 877C  
 (Aluminium Silver)      P 485C



*Uat*  
 Vũ Hương Thảo  
 16/02/2020

*Thư*  
 Đặng Lê Lê Thảo  
 11/02/2020

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Hữu Hào**

**750ml**

WHITE    TRANSPARENT    P 877C  
 (Aluminium Silver)    P 485C



SỞ Y TẾ LONG AN  
CHI CỤC AN TOÀN  
VỆ SINH THỰC PHẨM

Số: 217 /BN-ATTP

218

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long An, ngày 25 tháng 03 năm 2020

**GIẤY BIÊN NHẬN**  
v/v tiếp nhận hồ sơ

Họ và tên: Hồ Công Đẹp

Chức vụ, đơn vị công tác: Chuyên viên phòng HCTH

Đã tiếp nhận hồ sơ của:

Tên tổ chức, cá nhân: Cty TNHH Latic


Địa chỉ: QL 1, phường Chánh Hiệp, TPA, Long An

Số lượng hồ sơ: 02

(Phụ lục hồ sơ nhận được đính kèm theo bản)

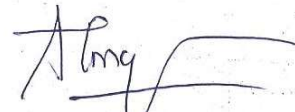
**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Thị Kim Hoàng

**NGƯỜI TIẾP NHẬN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Hồ Công Đẹp

Ghi chú: (tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế Long An <https://syt.longan.gov.vn> tại mục hoạt động chuyên môn an toàn thực phẩm)./



